Mau 2
LT+TH

11

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - ĐÀO TẠO THEO HT TÍN CHỈ

(Sử dụng cho các học phần tổ hợp điểm Lý thuyết và Thực hành)

LỚP: **YTCC1 - K7** HỌC KỲ...II..... NĂM HỌC. 2020 - 2021

Tên học phần: Hoá Sinh ..... Mã học phần: ..... Số tín chỉ .....

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hoá Sinh Hình thức thi: Test ..... Ngày thi ....23./....6...../ 2021.....

Ngày vào điểm: ...../...../ 20..... Ngày nộp điểm: ...../...../ 20.....

STT	Họ và tên	Đ.TH	Đ.CC	Đ.GHP	Đ.LT	Đ.HP	Ghi chú
1.	Trần Thị Vân Anh	5	10	4,0	2,7	4,0	
2.	Nguyễn Thị Bình	0	9,0	2,5	0	0	Không duyệt thi
3.	Đỗ Thị Huê	4,5	10	6,0	2,8	4,2	
4.	Nguyễn Trung Hưng	7,5	10	4,0	5,7	6,3	
5.	Đoàn Trọng Quang	0	4,0	4,0	0	0	Không duyệt thi
6.	Phạm Thị Thu Uyên	4	10	2,0	0	0	Không duyệt thi
7.	Tống Thị Ngọc Huyền	6	10	4,0	5,1	5,7	
8.	Phạm Thị Thu Ngân	5	10	3,5	0	0	Không duyệt thi

BỘ MÔN DUYỆT THI (..23../...6.../ 20..21..)

Thi lần:...1..... số lượng:....4../..8.....SV.

Nguyễn T. Mùi Thái

PHÒNG QLĐTĐH DUYỆT THI (..30../..6...../ 2021..)

Thi lần:....1..... số lượng:....04../..08...SV.

Đặng Thị Bích Hằng

Xác nhận của Phòng KT & ĐBCLGD	Trưởng Bộ môn	Xác nhận của cán bộ vào điểm		
		Bộ môn	Phòng KT & ĐBCLGD	Ban Thanh tra GD
TS: Trần Thị Khuyên	Trần T. Minh Thường	Ng T. Mùi Thái	Đỗ T. Minh Châu	Đặng T. Bích Hằng

Ghi chú:		Hệ số - HP Khoa học cơ bản và Y học cơ sở	Hệ số - Học phần khác
Đ.TH:	Điểm thực hành	0,2	0,4
Đ.CC:	Điểm chuyên cần	0,1	0,1
Đ.GHP:	Điểm giữa học phần	0,1	0,1
Đ.LT:	Điểm thi Lý thuyết	0,6	0,4
Đ.HP:	Điểm học phần		